

Số: 02/2021/QĐST- DS

YB, ngày 07 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST- DS ngày 21 tháng 6 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt trong phiên hoà giải.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần chè VH.

Địa chỉ: Thôn 7, xã TH, huyện YB, tỉnh YB

*Người đại diện theo pháp luật*: Bà Nguyễn Thị M - Giám đốc công ty.

- *Đồng bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Kh và bà Trần Thị Th.

Cùng địa chỉ: Tổ 11, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh YB.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

a. Ủy ban nhân dân tỉnh YB.

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Lê Công T- Phó Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh YB.

b. Ủy ban nhân dân huyện YB, tỉnh YB.

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Bùi Xuân D- Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện YB, tỉnh YB.

c. Anh Nguyễn Thái H; chị Nguyễn Đức D; chị Nguyễn Thị L

Cùng địa chỉ: Tổ 11, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh YB.

Chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: Tổ 8, thị trấn YB, huyện YB, tỉnh YB.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Ông Nguyễn Văn Kh, bà Trần Thị Th phải có nghĩa vụ thu hồi toàn bộ số cây Keo, Bạch đàn và Gáo đã trồng. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH diện tích đất 35.359,2 m<sup>2</sup> và số cây do Công ty cổ phần chè VH trồng trên đất, cụ thể:

2.1.1. Thu hồi 193 cây keo và 193 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 1.927,3 m<sup>2</sup> đất và 03 cây lát, 01 cây Xoan trồng năm 2016; 02 cây Muồng trồng năm 2015; 3.469 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất tại lô số 04 thửa số 7 đồi 18A tờ bản đồ số 30, thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Đông và Phía Bắc,giáp đất của công ty cổ phần chè VH là đường ditch dắc, có chiều dài 104,4 m; Phía Tây giáp đất nhà ông Trịnh Văn Th và đất nhà bà Bùi Thị Ng là đường ditch dắc, có chiều dài 64,3 m; Phía Nam giáp đất nhà ông Bùi Văn Ch dài 52,3m.

2.1.2. Thu hồi 86 cây Keo và 10 cây bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 477,6 m<sup>2</sup> đất và 860 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 29 thửa số 4 đồi 18A tờ bản đồ số 30 thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa số 8 đồi 18B của Công ty cổ phần chè VH, là đường ditch dắc có chiều dài 41,6 m; Phía Đông nam giáp thửa số 05 đồi 15A của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 42,3 m; Phía Tây nam giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Kh, có chiều dài 20,6 m.

2.1.3. Thu hồi 75 cây Keo và 08 cây bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 416,7 m<sup>2</sup> đất và 750 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 10 thửa số 02 đồi 18B tờ bản đồ số 25 thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa số 02 đồi 18B của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 17,7 m; Phía Đông giáp thửa số 07 đồi 18B của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 40,6 m; Phía Tây giáp lô 15 thửa số 05 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 22,0 m; Phía Nam giáp thửa số 07 đồi 18B của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 14,0 m.

2.1.4. Thu hồi 346 cây Keo và 38 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 1.920,3 m<sup>2</sup> đất và 3.457 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 02 thửa số 04 đồi 18B tờ bản đồ số 25 thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Bao gồm 02 mảnh:

Mảnh thứ nhất (phía trên đường Quốc lộ 2D) diện tích 1.849,5 m<sup>2</sup> có ranh giới: Phía Tây bắc giáp đường Quốc lộ 2D, có chiều dài 77,2m; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Kh, có chiều dài 34,3 m; Phía Đông giáp thửa số 07 đồi 18B của Công ty

cổ phần chè VH, có chiều dài 51,7 m; Phía Tây nam giáp lô số 03 thửa số 4 đồi 18B của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 11,1 m.

Mảnh thứ hai (Phía dưới đường quốc lộ 2D), có diện tích 70,8 m<sup>2</sup>. Có ranh giới: Phía Tây và phía Tây bắc giáp lô số 03 thửa số 04 đồi 18B của Công ty cổ phần chè VH, là đường ditch dắc có chiều dài 28,8 m; Phía Đông và Đông nam giáp giáp Quốc lộ 2D, có chiều dài 31,2 m.

2.1.5. Thu hồi 86 cây Keo và 10 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 480 m<sup>2</sup> đất và 864 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 03 thửa số 04 đồi 18B tờ bản đồ số 25 thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Bao gồm 02 mảnh:

Mảnh thứ nhất (phía dưới đường Quốc lộ 2D) diện tích 443,2 m<sup>2</sup> có ranh giới: Phía Tây bắc giáp đường Quốc lộ 2D, có chiều dài 77,2m; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Kh, có chiều dài 34,3 m; Phía Đông giáp thửa số 07 đồi 18B của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 51,7 m; Phía Tây nam giáp lô số 03 thửa số 4 đồi 18B của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 11,1 m.

Mảnh thứ hai (Phía trên đường quốc lộ 2D), có diện tích 36,8 m<sup>2</sup>. Có ranh giới: Phía Tây bắc giáp đường quốc lộ 2D có chiều dài là 7,4 m; Phía Đông giáp lô số 02 thửa số 04 đồi 18B ( mảnh phía trên đường quốc lộ 2D) có chiều dài 11,1 m; Phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Kh, có chiều dài 10,1 m.

2.1.6. Thu hồi 395 cây Keo và 44 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 2.193,7 m<sup>2</sup> đất và 3.949 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 04 thửa số 04 đồi 18B tờ bản đồ số 25 thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Bao gồm 02 mảnh:

Mảnh thứ nhất (phía dưới đường Quốc lộ 2D) diện tích 1903,4 m<sup>2</sup> có ranh giới: Phía Đông bắc giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Kh, là đường ditch dắc có chiều dài 43,5m; phía Đông nam giáp quốc lộ 2D, có chiều dài 18,6 m; Phía Tây giáp đất của ông Nguyễn Văn Kh, là đường ditch dắc có chiều dài 77 m; Phía Nam giáp lô số 03 thửa số 4 đồi 18B của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 55,7 m.

Mảnh thứ hai (Phía trên đường quốc lộ 2D), có diện tích 290,3 m<sup>2</sup>. Có ranh giới: Phía Đông bắc giáp thửa số 07 đồi 18B của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 26,7 m; Phía Đông nam giáp thửa số 07 đồi 18B có chiều dài 24,5 m; Phía Tây nam giáp lô số 02 thửa số 04 đồi 18B của Công ty cổ phần chè VH, là đường ditch dắc có chiều dài 35,4 m. Phía Tây bắc giáp quốc lộ 2D có chiều dài 9,6m.

2.1.7. Thu hồi 243 cây Keo và 27 cây Bạch đàn trồng năm 2019; 60 cây Gáo trồng năm 2020. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 1.351,6 m<sup>2</sup> đất và 2.433 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 01 thửa số 08 đồi 18B tờ bản đồ số 25 thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Đông bắc giáp thửa số 07 đồi 18B của

Công ty cổ phần chè VH, là đường ditch dắc có chiều dài là 59,7 m; phía Tây bắc giáp thửa số 07 đồi 18B của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 47,2 m; Phía Đông nam giáp thửa 05 đồi 15A của công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 30,1 m; Phía Tây nam giáp lô số 29 thửa 04 đồi 18A của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 40,2m.

2.1.8. Thu hồi 366 cây Keo và 41 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 2.035,3 m<sup>2</sup> đất và 3.664 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 01 thửa số 03 đồi 21 tờ bản đồ số 25 thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Bắc giáp quốc lộ 2D, có chiều dài 45,3m; Phía Đông bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Hùng, có chiều dài 14,5 m; Phía Đông nam giáp lô số 02 thửa số 03 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 53 m; Phía Tây nam giáp lô số 05 thửa số 03 đồi 21, có chiều dài 31,4 m; Phía Tây giáp thửa số 05 đồi 15A của công ty cổ phần chè VH, là đường ditch dắc có chiều dài 59,8 m.

2.1.9. Thu hồi 317 cây Keo và 35 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 1.759,1 m<sup>2</sup> đất và 3.166 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 02 thửa số 03 đồi 21 tờ bản đồ số 25, thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Đông bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Hùng, có chiều dài 42,7 m; Phía Đông nam giáp lô số 03, thửa số 03 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 45,6 m; Phía Tây nam giáp lô số 05, thửa số 03 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 40,8 m; Phía Tây bắc giáp lô số 01, thửa số 03 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 53,0 m.

2.1.10. Thu hồi 186 cây Keo và 21 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 1.031,2 m<sup>2</sup> đất và 1.856 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 04 thửa số 03 đồi 21 tờ bản đồ số 25, thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Bắc giáp lô số 05, thửa số 03 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 54,2 m; Phía Đông giáp lô số 03, thửa số 03 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 29,0 m; Phía Tây nam giáp lô 15B thửa số 06 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 67,7 m; Phía Tây giáp lô số 05, thửa số 15A đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 7,4 m.

2.1.11. Thu hồi 176 cây Keo và 20 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 978,0 m<sup>2</sup> đất và 1.760 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 05 thửa số 03 đồi 21 tờ bản đồ số 25, thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Đông bắc giáp lô số 02, thửa số 03 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 40,8 m; Phía Nam giáp lô số 04, thửa số 03 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 52,4 m; Phía Tây bắc giáp lô số 01, thửa số 03 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 31,4 m; Phía Tây giáp lô số 15A, thửa số 05 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 9,9 m.

2.1.12. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 2.714,6 m<sup>2</sup> đất, là đường đi, không có tài sản trên đất. Vị trí đất thuộc lô số 15A thửa số 05 đồi số 21 tờ bản đồ số 25. Có ranh giới: Phía Bắc giáp quốc lộ 2D, có chiều dài là 10,5m; Phía Đông và Đông nam giáp các lô 01; 04; 05 thửa số 03 đồi số 21, lô 15B thửa 6 đồi số 21 và các lô số 06, 08,09,10 thửa số 09 đồi số 21 và một phần đất ông Nguyễn Văn Khđang sử dụng, là đường ditch dắc có chiều dài là 341,2 m; Phía Tây nam giáp đất gia đình ông Nguyễn Văn Khđang sử dụng dài 34,4 m; Phía Tây và Tây bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Khđang sử dụng và các lô số 29 thửa số 4 đồi 18A; lô số 01 thửa số 8 đồi 18B, thửa 07 đồi 18B; lô 10 thửa số 02 đồi 18B và phần đất không tranh chấp thuộc thửa 02 đồi 18B. là đường ditch dắc có chiều dài là 309,7m.

2.1.13. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 149,1 m<sup>2</sup> đất, là đường đi, không có tài sản trên đất. Vị trí đất thuộc lô số 15B thửa số 06 đồi 21 tờ bản đồ số 25, thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Đông bắc giáp lô số 04, thửa số 03 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 67,7 m; Phía Tây nam giáp lô số 06, thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 69,0 m; Phía Tây bắc giáp lô số 15A, thửa số 05 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 2,2 m; Phía Đông nam giáp lô số 03, thửa số 03 (*phần không có tranh chấp*) đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 4.6 m.

2.1.14. Thu hồi 422 cây Keo và 47 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 2.347,1 m<sup>2</sup> đất và 4.225 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 06 thửa số 09 đồi 21 tờ bản đồ số 25, thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Đông bắc giáp lô số 15A, thửa số 06 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 69,0 m; Phía Đông giáp phần đất không có tranh chấp thuộc lô số 06, là đường ditch dắc có chiều dài 39,7 m; Phía Đông nam giáp lô số 07, thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 41,5 m; Phía Tây nam giáp lô số 08, thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 48,3 m. Phía Tây bắc, giáp lô số 15A thửa số 05 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 52,1 m.

2.1.15. Thu hồi 423 cây Keo và 47 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 2.347,1 m<sup>2</sup> đất và 4.229 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 07 thửa số 09 đồi 21 tờ bản đồ số 25, thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Đông bắc giáp phần đất không có tranh chấp thuộc thửa số 07, là đường ditch dắc có chiều dài 25 m; Phía Đông nam giáp phần đất không có tranh chấp thuộc lô số 07, thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH và một phần đất ông Nguyễn Văn Khđang sử dụng, là đường ditch dắc có chiều dài 95,6 m; Phía Tây nam giáp lô số 09, thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 66,8 m;

Phía Tây bắc giáp lô số 06, thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 23,7m.

2.1.16. Thu hồi 166 cây Keo và 18 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 921,5 m<sup>2</sup> đất và 1.659 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 08 thửa số 09 đồi 21 tờ bản đồ số 25, thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Đông bắc giáp lô số 06, thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 48,3 m; Phía Tây nam giáp lô số 09, thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 27,8 m; Phía Đông nam giáp lô số 09, thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 22,6 m; Phía Tây giáp lô số 15A thửa số 05 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 54,7 m.

2.1.17. Thu hồi 399 cây Keo và 44 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 2.217,2 m<sup>2</sup> đất và 3.991 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 09 thửa số 09 đồi 21 tờ bản đồ số 25, thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Bắc giáp lô số 08, thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 51,3 m; Phía Đông giáp lô số 07, thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 66,8 m; Phía Đông nam giáp đất ông Nguyễn Văn Khương sử dụng, có chiều dài 17,6 m; Phía Tây nam giáp lô số 10, thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 72,8 m. Phía Tây bắc, giáp lô số 15A thửa số 05 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 13,1 m.

2.1.18. Thu hồi 1.051 cây Keo và 117 cây Bạch đàn trồng năm 2019;. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 5.837,1 m<sup>2</sup> đất và 10.507 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 10 thửa số 09 đồi 21 tờ bản đồ số 25 thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Đông bắc giáp lô số 09 thửa số 09 đồi số 21 Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 72,8 m; phía Đông nam giáp đất của ông Nguyễn Văn Kh, có chiều dài là 63,0 m; Phía Nam giáp lô số 12 thửa số 09 đồi số 21 của công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 26,0 m; Phía Tây nam giáp lô số 11 thửa 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 66,0m; Phía Tây bắc giáp lô số 15A thửa số 05 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài 64,9 m.

2.1.19. Thu hồi 158 cây Keo và 18 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 876,9 m<sup>2</sup> đất và 1.578 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 11 thửa số 09 đồi 21 tờ bản đồ số 25 thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Đông bắc giáp lô số 10 thửa số 09 đồi số 21 Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 14,4 m; phía Đông giáp đất phần đất không có tranh chấp của lô số 11 thửa số 09, có chiều dài là 42,1 m; Phía Nam giáp lô số 13 thửa số 09 đồi số 21 của công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 17,9 m; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Kh, có chiều dài 54,2 m.

2.1.20. Thu hồi 211 cây Keo và 23 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 1.171,1 m<sup>2</sup> đất và 2.108 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 13 thửa số 09 đồi số 21 tờ bản đồ số 25 thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Đông bắc giáp lô số 11 thửa số 09 đồi số 21 Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 17,9 m; phía Đông giáp lô số 12 thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 25,4 m; Phía Nam giáp lô số 14 thửa số 09 đồi số 21 của Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 64,8 m; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Kh, có chiều dài là 31,0 m.

2.1.21. Thu hồi 397 cây Keo và 44 cây Bạch đàn trồng năm 2019. Trả lại cho Công ty cổ phần chè VH 2.204,1 m<sup>2</sup> đất và 3.967 cây chè trồng năm 2002. Vị trí đất thuộc lô số 13 thửa số 09 đồi số 21 tờ bản đồ số 25 thuộc tổ 11 thị trấn YB, huyện YB. Có ranh giới: Phía Bắc giáp lô số 12 và lô số 13 thửa số 09 đồi số 21 Công ty cổ phần chè VH, có chiều dài là 85,3 m; phía Đông và phía Nam giáp đất của bà Trần Thị Lộc, có chiều dài là 111,2 m; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Kh, có chiều dài là 8,6 m.

Toàn bộ các diện tích đất nêu trên nằm trong tổng diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ T01964, số seri: AE 726500, Quyết định số 567/ QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2006 của UBND tỉnh YB cấp cho Công ty cổ phần chè VH sử dụng: 409,811 m<sup>2</sup>, có địa chỉ tại thị trấn YB, huyện YB, tỉnh YB.

*(Diện tích, chiều dài cạnh thửa từng lô đất được thể hiện trong Sơ đồ thẩm định đính kèm Quyết định).*

2.2. Công ty cổ phần chè VH rút yêu cầu buộc gia đình ông Nguyễn Văn Kh, bà Trần Thị Th phải bồi thường số tiền 73.197.104 đồng, bao gồm tiền thuê đất và thiệt hại do không được sử dụng đất.

2.3. Ông Nguyễn Văn Kh, bà Trần Thị Th có trách nhiệm giao nộp lại Hồ sơ giao đất giao rừng năm 1992 ban hành kèm Quyết định *(không số)* ngày 06-3-1992 của Ủy ban nhân dân huyện YB về việc giao đất giao rừng cho hộ ông Nguyễn Văn Kh cho Ủy ban nhân dân huyện YB, tỉnh YB. Để Ủy ban nhân dân huyện YB thu hồi, hủy quyết định cá biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai theo quy định của pháp luật.

2.4. Ông Nguyễn Văn Kh, bà Trần Thị Th rút toàn bộ các yêu cầu về hủy quyết định số: 359/QĐ ngày 03-7-2002 của Công ty chè VH về việc thu hồi đất của gia đình ông Nguyễn Văn Kh; và yêu cầu Công ty cổ phần chè VH phải bồi thường số tiền 398.500.000 đồng do không được sử dụng đất.

2.5. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.5.1 Về án phí: Công ty cổ phần chè VH nhận chịu cả án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là: 5.045.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YB theo Biên lai số: AA/2017/0006938 ngày 11 tháng

11 năm 2020. Nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn lại là 4.895.000 đồng. (*Bốn triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

Ông Nguyễn Văn Kh, bà Trần Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 9.962.500 đồng (*Chín triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YB, theo Biên lai số: AA/2017/0006975 ngày 14 tháng 12 năm 2020.

2.5.2. Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần chè VH nhận chịu toàn bộ số tiền: 13.900.000 đồng (*Mười ba triệu chín trăm ngàn đồng*), tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Xác nhận Công ty cổ phần chè VH đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Toà án Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh YB.
- Các đương sự;
- Cục THA dân sự tỉnh YB
- Chi cục THA dân sự huyện YB
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

Vũ Dũng